

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**SỰ TƯƠNG ỨNG GIỮA NGỮ PHÁP HÌNH ẢNH
VÀ NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG HỆ THỐNG
(Qua tư liệu tác phẩm văn học “Thương nhớ thời bao cấp”)
TRẦN KIM PHƯƠNG* - TRƯƠNG TRANG NHUNG****

TÓM TẮT: Ngữ pháp hình ảnh (Visual Grammar; VG) do G. Kress và T. van Leeuwen khởi xướng được phát triển từ Ngữ pháp chức năng hệ thống (SFG) của M. Halliday. Được xây dựng dựa trên lý thuyết Ký hiệu học, SFG đã trình bày ba siêu chức năng ngôn ngữ, cũng đồng thời là ba loại nghĩa mà ngôn ngữ chuyển tải¹. VG dựa trên ba loại nghĩa đó để xây dựng lý thuyết cho mình. Lý thuyết SFG rất phù hợp cho việc giải mã kênh chữ của diễn ngôn, còn lý thuyết VG phù hợp để giải mã kênh hình. Như vậy có thể sử dụng phối hợp hai loại lý thuyết này để phân tích một diễn ngôn đa phương thức. Tuy nhiên, kênh chữ và kênh hình có những đặc điểm riêng, do vậy, sẽ có những điểm tương đồng và khác biệt đáng kể của VG so với SFG.

Bài viết đi sâu phân tích những điểm giống và khác nhau giữa hai lý thuyết, với mục đích làm sâu sắc hơn con đường hình thành và phát triển của VG, giúp việc ứng dụng hai lý thuyết này để phân tích diễn ngôn đa phương thức trở nên hiệu quả hơn.

TỪ KHÓA: ngữ pháp hình ảnh; ngữ pháp chức năng hệ thống; diễn ngôn đa phương thức; kênh chữ; kênh hình.

NHẬN BÀI: 17/07/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/08/2025

1. Mở đầu

Trong thời đại bùng nổ của công nghệ thông tin, sự ra đời của các diễn ngôn đa phương thức (Multimodal Discourse) đã đặt các nhà nghiên cứu ngôn ngữ vào một thách thức mới: Dùng lý thuyết nào để giải mã kênh hình? Theo van Leeuwen (2021) cùng với nhà ngôn ngữ học Đức G. Kress đã phát triển lý thuyết Ngữ pháp chức năng hệ thống (SFG) do người thầy của mình là M. Halliday xây dựng lên một bước mới: giải quyết kênh hình cho việc nghiên cứu diễn ngôn đa phương thức. Năm 1996, với cuốn sách *Reading Images: The Grammar of Visual Design* (3), lý thuyết VG chính thức ra đời và ngay lập tức, nó đã gây ảnh hưởng lớn đến ngành ngôn ngữ học trên toàn thế giới. Lý thuyết này có sự tương đồng với SFG nhưng vẫn có những khác biệt, do đối tượng nghiên cứu của nó là hình ảnh chứ không phải ngôn ngữ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trước hết, phương pháp nghiên cứu được chúng tôi sử dụng là phương pháp miêu tả, cùng với nó là thủ pháp so sánh. Hai lý thuyết của SFG và VG sẽ được trình bày kỹ lưỡng trong sự so sánh đối chiếu với nhau. Để làm rõ cho các luận điểm, các diễn ngôn đa phương thức sẽ được đưa ra phân tích với hai lý thuyết chính: SFG dùng để phân tích kênh chữ và VG dùng để phân tích kênh hình.

Về nguồn ngữ liệu, chúng tôi sử dụng diễn ngôn “Thương nhớ thời bao cấp” của Thành Phong và Hữu Khoa do Nhã Nam xuất bản năm 2018 [1]. Cuốn sách kết hợp kênh chữ và kênh hình để truyền tải một cách sinh động, dí dỏm các câu nói, cụm từ,... quen thuộc, phổ biến thời bao cấp. Đây không chỉ là dấu ấn của thiếu thốn một thời mà còn là minh chứng cho cái nhìn điềm tĩnh, thái độ phản biện hài hước của nhân dân ta trước nhọc nhằn của đời sống. Diễn ngôn này đã truyền tải góc nhìn của thế hệ trẻ với cách nói, lối sống, quan điểm của thế hệ đi trước thông qua việc lý giải các hiện tượng ngôn ngữ và những sáng tác tranh ảnh hóm hỉnh.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tương quan trong cấu trúc nghĩa giữa ngôn ngữ và hình ảnh

Ngôn ngữ hay hình ảnh đều là những công cụ mà con người sử dụng để phục vụ cho nhu cầu

*PGS.TS; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: tkphuong70@yahoo.com

**Trường THCS Chu Văn An, Hải Phòng; Email: truongtrangnhung03@gmail.com

truyền đạt thông tin trong giao tiếp. Do vậy, chúng có những điểm tương đương: (a) Về nội dung: cùng phản ánh thế giới khách quan và thế giới trong tâm tưởng; (b) Về bố cục: cùng có một cấu trúc nhất định; (c) Về sự tương tác: cùng phản ánh mối quan hệ liên cá nhân giữa người sản sinh văn bản và người tiếp nhận. Nói cách khác, ngôn ngữ và hình ảnh, tuy là hai phương thức kí hiệu truyền đạt thông tin khác nhau, có “ngữ pháp” khác nhau, song tương đồng về mặt hành chức. Vì vậy, ba siêu chức năng của ngôn ngữ cũng sẽ tương ứng với ba loại nghĩa của hình ảnh. Cụ thể như sau:

Bảng 1. Mối tương quan trong cấu trúc nghĩa giữa ngôn ngữ và hình ảnh

	NGÔN NGỮ	HÌNH ẢNH
Siêu chức năng kinh nghiệm (ideational metafunction)	Nghĩa kinh nghiệm (ideational meaning)	Nghĩa biểu hiện (representational meaning)
Siêu chức năng liên nhân (interpersonal metafunction)	Nghĩa liên nhân (interpersonal meaning)	Nghĩa tương tác (interactive meaning)
Siêu chức năng văn bản (textual metafunction)	Nghĩa văn bản (textual meaning)	Nghĩa bố cục (compositional meaning)

3.2. Sự tương đồng và khác biệt trong nghĩa biểu hiện của hình ảnh và ngôn ngữ

Trước hết, về đối tượng nghiên cứu, nếu SFG lấy ngôn ngữ là nguồn lực tạo nghĩa thì VG lấy hình ảnh là nguồn lực tạo nghĩa. Như vậy, cùng để phản ánh thế giới khách quan, nhưng ngôn ngữ sẽ có cách phản ánh khác với hình ảnh. Ngôn ngữ mô tả thế giới bằng cách kết hợp các từ ngữ, câu,... còn hình ảnh mô tả thế giới bằng màu sắc, đường nét, hình khối,... Cả ba loại nghĩa của hình ảnh đều có những điểm tương đồng và khác biệt với nghĩa trong ngôn ngữ. Bài viết này tập trung so sánh *nghĩa biểu hiện* của hình ảnh và của ngôn ngữ.

Nghĩa biểu hiện của ngôn ngữ và của hình ảnh phản ánh nội dung của thế giới khách quan, được thể hiện thông qua các kiểu quá trình. Với SFG, có 6 kiểu quá trình, còn với VG, có 8 kiểu. Vì SFG được xem là lí thuyết cơ bản để từ đó VG phát triển nên với SFG nên chúng tôi sẽ sử dụng các ví dụ của M. Halliday; còn với VG, chúng tôi sẽ sử dụng nguồn ngữ liệu khảo sát của mình (diễn ngôn “Thương nhớ thời bao cấp”), để làm rõ hơn cho lí thuyết còn rất mới mẻ của VG.

(1) Quá trình vật chất (Material processes) và Quá trình hành động (Action processes)

a. Theo SFG, quá trình vật chất phản ánh kinh nghiệm bên ngoài, thuộc thế giới bên ngoài. Quá trình này bắt buộc phải có một Hành thể (Actor) - người thực hiện hành động. Một số quá trình có tham thể thứ hai là Đích thể (Goal). Như vậy sẽ có 2 mô hình:

Mô hình 1. Ví dụ: *The lion sprang.*

<i>The lion</i>	<i>sprang.</i>
Hành thể	Quá trình
<i>Con sư tử nhảy.</i>	

Mô hình 2. Ví dụ: *The lion caught the tourist.*

<i>The l on</i>	<i>caught</i>	<i>the tourist.</i>
Hành thể	Quá trình	Đích thể
<i>Con sư tử vồ người khách du lịch.</i>		

b. Tương ứng với quá trình vật chất của SFG là quá trình hành động của VG: có một Hành thể thực hiện một hành động nào đó. Hành động có thể hướng tới Đích thể hoặc không. Như vậy, mô hình của quá trình này là:

Mô hình 1. Hành thể + Quá trình (Actor + Process)

Mô hình 2. Hành thể + Quá trình + Đích thể (Actor + Process + Goal)

Ví dụ 1: Diễn ngôn *Dù cho bão táp mưa sa/ Khách lạ đến nhà phải báo công an* [1, tr.89]. Diễn ngôn đã phản ánh tinh thần cảnh giác cao độ của người dân và chính sách tạm trú, tạm vắng khắt khe trong thời chiến.



Trong hình, người đàn ông đang thực hiện hành động đứng cúi xuống nền đất. Dáng đứng của anh đã tạo ra một véc tơ chéo theo chiều hướng xuống dưới. Véc tơ này khẳng định Hành thể là *người đàn ông*, còn Quá trình là *đứng/ đi giữa mưa bão dữ dội* (đội mưa đi báo công an). Toàn bộ hình dáng người đàn ông với cái đầu cúi về trước đã tạo nên sự tương ứng với véc tơ chéo của mưa. Hình ảnh đã bổ sung, mở rộng ý nghĩa cho toàn bộ diễn ngôn bằng cách tái hiện cụ thể hành động thực tế mà kênh chữ gọi ra. Ở đó, Hành thể nỗ lực vượt qua khó khăn để giữ vững trật tự xã hội, không cho kẻ lạ lọt vào nơi mình ở. Hình ảnh này chỉ có Hành thể và Quá trình, không có Đích thể.

Ví dụ 2: Diễn ngôn *Một tấn chất xám không bằng một đám mồ hôi, không bằng một môi nước bọt* [1, tr.163] phản ánh một sự thật trong xã hội bao cấp: Do chính sách lương thưởng hạn chế, những người lao động trí óc với công việc như dạy học, viết báo, sáng chế,... thường tạo ra sản phẩm mang tính tinh thần có thu nhập bấp bênh nên bị đánh giá thấp hơn những người lao động chân tay, kinh doanh buôn bán - công việc dễ tạo ra thu nhập tốt bởi khả năng bù đắp ngay được cho những thiếu thốn trước mắt về miếng ăn.



Hành thể (1) hướng tay lên trên (véc tơ chéo hướng lên trên) để đỡ lấy Đích thể là tập giấy dày ghi sáng kiến. Hành thể (2) hạ tay (véc tơ chéo hướng xuống dưới) để ấn Đích thể là cái cán bơm xe xuống. Hành thể (3) đưa tay lên (véc tơ chéo hướng lên trên) để giương ra, khoe Đích thể là tờ giấy báo cáo hoạt động. Hành thể (4) dùng tay cầm và đưa Đích thể (véc tơ chéo hướng lên trên) là chiếc ống nhòm tới sát mắt. Nhờ quá trình hành động, hoạt động đặc trưng của từng lớp người được biểu hiện một cách ấn tượng khi tham thể 1 đứng ở bậc thấp nhất, phản ánh cái thời mà trí thức bị coi rẻ, kiếm tiền một cách khó khăn. Hình ảnh này có Hành thể - Quá trình và Đích thể.

Có thể thấy quá trình vật chất có sự thống nhất cao giữa SFG và VG ở cả hai kiểu mô hình và các thành tố trong quá trình.

(2) *Quá trình tinh thần*

a. SFG cho rằng quá trình tinh thần là các quá trình của ý thức, phản ánh kinh nghiệm bên trong, cụ thể hơn, đó là quá trình cảm giác (feeling), suy nghĩ (thinking) và nhìn thấy (seeing). Tham gia vào quá trình này là hai tham thể: Cảm thể (senser) và Hiện tượng (phenomenon). Cảm thể là vật có ý thức, có thể cảm, nghĩ hay thấy. Hiện tượng là tham thể được cảm, được nghĩ hay được thấy. Ví dụ:

Mô hình 1

<i>You</i>	<i>needn't be scared.</i>
Cảm thể	Quá trình: tình cảm
<i>Bạn không cần phải sợ.</i>	

Mô hình 2

<i>I</i>	<i>believe</i>	<i>you.</i>
Cảm thể	Quá trình: tri nhận	Hiện tượng
<i>Tôi tin bạn.</i>		

b. Trong VG, quá trình tinh thần biểu thị đời sống nội tâm của các Cảm thể (Senser). Ở đó, Cảm thể biểu hiện trạng thái tâm lý (Phenomenon) với các cảm xúc, tâm trạng,... như hạnh phúc, suy tư, sợ hãi, giận dữ,... Trạng thái tâm lý này có thể được biểu hiện trực tiếp qua từ ngữ được đánh dấu trong các bong bóng suy nghĩ hoặc gián tiếp qua các biểu tượng.

Ví dụ 3: Diễn ngôn *Một trăm lời nói không bằng làn khói Hon-đa* [1, tr.165] chỉ ra tiêu chí ưu tiên khi chọn người yêu trong thời đại còn nhiều thiếu thốn lúc bấy giờ là điều kiện kinh tế tốt mà biểu hiện chính là có xe Hon-đa trong thời buổi hầu hết ai nấy đều đi xe đạp khung dựng.



Hình ảnh thể hiện rõ nét tâm trạng của hai Cảm thể thông qua biểu cảm: tuy đeo kính râm, che đi một nửa khuôn mặt nhưng cả chàng trai và cô gái vẫn tỏa sáng với nụ cười rạng rỡ. Cả hai Cảm thể đều hiện lên với trạng thái hạnh phúc: chàng trai vui vẻ vì nhờ chiếc xe mà đến được với cô gái trong mộng, còn cô gái phấn khởi bởi đã tìm được một điểm tựa vững chắc về mặt kinh tế trong thời buổi khó khăn. Hình ảnh đã tái hiện một thực tế mà kênh chữ gợi ra, giúp diễn ngôn trở nên phong phú, đầy đặn hơn.

Ví dụ 4: Diễn ngôn *Có vợ mà cho đi Tây/ Như xe không khóa để ngay bờ hồ* [1, tr.80] tái hiện thực tế gia đình dễ rơi vào cảnh “mất vợ” khi cho vợ đi nước ngoài, đặc biệt là đi xuất khẩu lao động sang Đông Âu vào những năm 1980.



Cảm thể xuất hiện với gương mặt rầu rĩ, hai hàng nước mắt tuôn rơi. Trạng thái tâm lý được thể hiện gián tiếp thông qua biểu tượng: các nếp nhăn xô vào nhau, khóe miệng cong xuống méo xệch. Hình ảnh đã làm rõ nét nghĩa hàm ẩn của kênh chữ. Kênh chữ của diễn ngôn chỉ so sánh việc *cho vợ đi Tây* với *xe không khóa để ngay Bờ Hồ*, tức là khái quát đặc điểm của hành động *cho vợ đi Tây* mà không nói tới cảm xúc của chồng. Trong tương quan với kênh chữ, quá trình tinh thần đã thể hiện rõ nét cảm xúc mà kênh chữ không trực tiếp nhắc tới: sự đau khổ của ông chồng. Đây là điều mà các diễn ngôn hạn chế đề cập trực tiếp để giữ tính khách quan với hiện tượng - một đặc điểm của các diễn ngôn thời bao cấp của người Việt.

Như vậy, quá trình tinh thần ở SFG và VG có sự thống nhất tương đối với nhau. Cả hai cùng có Cảm thể; nhưng nếu trong SFG, Hiện tượng chỉ đối tượng được Cảm thể dành cảm xúc thì trong VG, Hiện tượng chỉ trạng thái tâm lý của Cảm thể.

(3) *Quá trình quan hệ (Relational processes)* và *Quá trình phân tích (Analytical structures)*,
Quá trình phân loại (Classification processes)

a. Theo SFG, quá trình quan hệ thể hiện mối liên quan giữa mảng này với mảng kia của thể giới kinh nghiệm (cái này giống cái kia, cái này là một loại của cái kia). Có 2 phương thức: định tính (attributive) và đồng nhất (identifying). Đồng nhất thì có thể đổi chỗ cho nhau được, còn định tính thì không thể đổi chỗ. Ví dụ về quá trình quan hệ định tính:

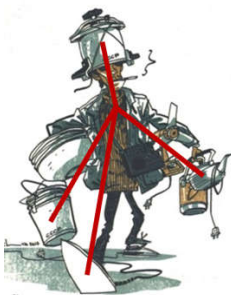
<i>Today's weather</i>	<i>is going to be</i>	<i>warm and sunny.</i>
<i>Thời tiết hôm nay ảm áp và có nắng.</i>		
<i>Mice</i>	<i>are</i>	<i>timid creature.</i>
<i>Chuột là loài vật nhút nhát.</i>		
Đương thể	Quá trình: sâu	Thuộc tính

Ví dụ về quá trình quan hệ đồng nhất:

<i>The one in the back row</i>	<i>must be</i>	<i>you.</i>
<i>Người ngồi ở hàng cuối hẳn phải là bạn.</i>		
<i>Mr Garick</i>	<i>played</i>	<i>Hamlet.</i>
<i>Ông Garick đóng vai Hamlet.</i>		
Bị đồng nhất thể	Quá trình: sâu	Đồng nhất thể

b. Tương ứng với quá trình quan hệ trong SFG là **quá trình phân tích** trong VG. Quá trình này biểu hiện mối quan hệ giữa cái bộ phận - cái toàn thể. Bộ phận là Thuộc tính sở hữu (Possessive attributes) của toàn thể - được gọi là Đương thể (Carrier).

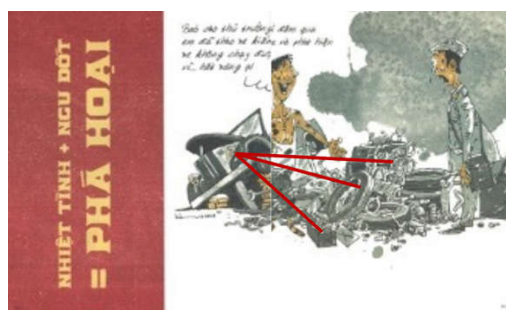
Ví dụ 5: Diễn ngôn *Đầu đội áp suất/ Chân đi bàn là/ Trông xa cứ tưởng là ma/ Lại gần thì hóa đi Nga mới về* [1, tr.95] miêu tả chân dung khác thường của người mới đi xuất khẩu lao động về một cách hóm hỉnh.



Đương thể đội nồi áp suất trên đầu thay cho mũ; hai tay xách quạt, phích nước, thau chậu thay cho vali; vai đeo đài radio thay cho balo; chân đi bàn là thay cho giày. Giữa người đàn ông và các đồ vật là mối quan hệ bộ phận - toàn thể khi vật dụng gắn liền với cơ thể như một phần trang phục, tái hiện một cách dí dỏm hình ảnh người dân đi lao động xuất khẩu trở về tranh thủ mang đồ từ nước ngoài về theo để bán kiếm lời.

Quá trình phân tích còn thể hiện mối quan hệ bộ phận - toàn thể giữa các đồ vật với nhau. Ví dụ 6: Diễn ngôn *Nhiệt tình + Ngu dốt = Phá hoại* [1, tr.184] đã “công thức hóa” các yếu tố để tạo thành “sự phá hoại”, đó là thiếu năng lực nhưng lại... hăng hái làm việc.

Mối quan hệ bộ phận - toàn thể được thể hiện qua hình ảnh chiếc ô tô là Đương thể với Thuộc tính sở hữu là các bộ phận đã bị tháo rời như lốp xe, bình xăng, phanh,...Người thợ đã thực hiện một công việc phức tạp: tách rời linh kiện của ô tô để tìm lí do vì sao xe không chạy được. Đề rồi, hóa ra xe không chạy được chỉ đơn giản vì... hết xăng. Hình ảnh khung vỏ ô tô nằm cạnh các bộ phận lẻ tẻ với mối quan hệ bộ phận - toàn thể đã tô đậm sắc thái trào phúng của kênh chữ: *Nhiệt tình + ngu dốt = phá hoại*.



Tóm lại, quá trình quan hệ ở SFG và quá trình phân tích ở VG có sự tương ứng khá cao. Song, nếu quá trình quan hệ ở SFG chỉ ra đặc điểm đó minh họa cho tham thể qua quá trình định tính hay khu biệt cho tham thể qua quá trình đồng nhất thì quá trình phân tích ở VG chỉ đơn thuần chỉ ra đặc điểm của tham thể. Nguyên nhân xuất phát từ việc hình ảnh biểu nghĩa thông qua các khối hình. Dựa vào vốn sống và lối liên tưởng riêng, người xem kết nối, tự suy đoán ý nghĩa của khối hình. Cái khách quan mà người xem thu nhận được là quan hệ bộ phận - toàn thể giữa Đương thể và Thuộc tính sở hữu. Còn ở SFG, ý nghĩa của ngôn ngữ được quy định sẵn trong nhận thức cộng đồng mà không phụ thuộc vào cách hiểu của riêng cá nhân nào. Ý nghĩa ngôn ngữ được lựa chọn để giao tiếp quyết định kiểu quá trình mà diễn ngôn thuộc về.

Một kiểu quá trình khác trong VG cũng tương đương với quá trình quan hệ trong SFG là quá trình phân loại. Trong quá trình phân loại, có hai loại quan hệ: quan hệ đồng cấp (hierarchy) và quan hệ phân cấp (taxonomy). Các tham thể có quan hệ đồng cấp thường được trình bày ngang hàng, với kích thước, khoảng cách đều nhau hoặc được sắp xếp cùng hướng trong cùng một trục tọa độ. Các tham thể có quan hệ phân cấp thường được trình bày theo dạng sơ đồ: tham thể giữ vị trí trung tâm, bao hàm các tham thể khác nằm ở trên/ giữa, tham thể giữ vị trí thứ cấp, bị bao hàm nằm ở dưới/ bên ngoài.

Ví dụ 11: Diễn ngôn *Ban ngày cả nước lo việc nhà/ Ban đêm cả nhà lo việc nước* [1, tr.36] khắc họa thực trạng thiếu thốn nước dùng trong sinh hoạt.



Hình ảnh tái hiện chuỗi dài tham thể là các loại thau, xô, chậu,... được xếp thành hàng để đợi đến lượt lấy nước. Qua chuỗi dài các tham thể, có thể thấy thực trạng khó khăn trong sinh hoạt thời bao cấp khi người dân phải đi hứng từng xô nước về cho gia đình chắt chiu sử dụng. Do góc vẽ, các tham thể tuy không cùng kích thước và khoảng cách nhưng vẫn chung một hệ tọa độ hướng theo chiều sâu từ ngoài vào trong.

Các tham thể ở hình trên được nối kết với nhau bằng quan hệ đồng cấp thì ở hình ảnh khác, các tham thể gắn bó với nhau bằng quan hệ phân cấp.

Ví dụ 12: Diễn ngôn *Nhất Y nhì Dược/ Tạm được Bách khoa/ Sư phạm bỏ qua/ Nông lâm xếp xó* [1, tr.182] nhắc đến thứ hạng của các trường đại học theo quan điểm của người Việt thời bao cấp.



Các tham thể được phân cấp dựa theo trường đại học họ theo học. Các cấp biểu thị rõ ràng thông qua độ cao của cái bục mà sinh viên trường đó đứng. Bậc cao nhất dành cho trường Y; bậc cao nhì dành cho trường Dược; bậc cao thứ ba dành cho trường Bách khoa; không có bậc, song vẫn có sách, có biển hiệu được sinh viên cầm trên tay là trường Sư phạm; xếp cuối cùng là bảng tên trường Nông lâm được chàng trai đang cố nhoi từ dưới mặt đất lên giờ cao. Quá trình phân loại đã thể hiện rõ vị thế của từng trường đại học trong quan niệm của người Việt lúc bấy giờ qua quan hệ phân cấp.

Quá trình phân loại trong VG có nhiệm vụ liệt kê các bộ phận của một chỉnh thể nào đó. Song, với đặc trưng về hình khối và đường nét, quá trình phân loại trong VG có thể sắp xếp các tham thể trong không gian một cách linh hoạt để biểu thị quan hệ đồng cấp hoặc phân cấp – điều mà ngôn ngữ trong SFG cần dùng đến từ ngữ mang nghĩa liệt kê hay sắp xếp thứ tự để làm được. Khi sử dụng từ ngữ biểu thị ý nghĩa liệt kê hoặc sắp xếp trình tự, các cú thuộc về quá trình quan hệ, quá trình hiện hữu, quá trình vật chất,...

Ví dụ: Tả hình ảnh của diễn ngôn *Ban ngày cả nước lo việc nhà/ Ban đêm cả nhà lo việc nước*. như sau: Có hàng loạt các loại thau, chậu,... được xếp để đợi hứng nước.

Có		hàng loạt các loại thau, chậu, xô,...	
Quá trình: hiện hữu		Hiện hữu thể	
(hàng loạt các loại thau, chậu,...)	được xếp	(bởi người dân)	để đợi hứng nước
Đích thể ẩn	Hiện hữu thể	Hành thể ẩn	Mục đích

Ví dụ: *Nhất Y nhì Dược/ Tạm được Bách khoa/ Sư phạm bỏ qua/ Nông lâm xếp xô.*

(xếp hạng thứ) nhất	(là) Quá trình ẩn	(trường) Y
(xếp hạng thứ) nhì		(trường) Dược
(xếp hạng) tạm được		(trường) Bách khoa
Bị đồng nhất thể	Quá trình: đồng nhất	Đồng nhất thể
(mọi người) Hành thể ẩn	bỏ qua	(trường) Sư phạm
	xếp xô	(trường) Nông lâm
Hành thể	Quá trình: vật chất	Đích thể

Tóm lại, về bản chất, quá trình phân loại trong VG tương ứng với quá trình quan hệ trong SFG khi cùng chỉ ra mối quan hệ giữa các tham thể với nhau. Tuy nhiên, VG chỉ có thể tái hiện quá trình phân loại bằng sơ đồ và khoảng đối xứng. Còn SFG, với hệ thống các lựa chọn ngôn ngữ phong phú, lại có thể biểu đạt quan hệ này qua nhiều kiểu quá trình, mà mỗi lựa chọn lại có thể thuộc về một kiểu quá trình khác nhau, không riêng gì quá trình quan hệ. Như vậy, phương thức biểu hiện quá trình phân loại ở VG có phần ổn định, ít linh hoạt hơn phương thức biểu hiện điều đó ở SFG.

(4) Quá trình hành vi (Behavioural processes) và Quá trình phản ứng (Reactional processes)

a. Theo SFG, quá trình này phản ánh những biểu hiện bên ngoài của hành động nội tâm, quá trình của ý thức và trạng thái sinh lí. Nó nằm giữa quá trình vật chất và quá trình tinh thần bởi nó thể hiện hành vi tâm sinh lí như thở, ho, cười, mơ, lười,... Ứng thể (Behaver) là tham thể bắt buộc. Chu cảnh (Circumstance) là tham thể không bắt buộc. Trong đó, Ứng thể phải có ý thức nhận thức, không phải vật vô tri.

Ví dụ:

<i>What</i>	<i>are</i>	<i>you</i>	<i>crying</i>	<i>about?</i>
		Ứng thể		
		Quá trình		
Chu cảnh chỉ vấn đề				
<i>Bạn</i>	<i>đang khóc</i>		<i>vì điều gì?</i>	
Ứng thể	Quá trình		Chu cảnh chỉ vấn đề	

b. Tương ứng với quá trình hành vi trong SFG là quá trình phản ứng trong VG. Quá trình phản ứng xuất hiện khi hình ảnh xuất hiện véc tơ kết nối phản ứng thể (Reacter) với hiện tượng (Phenomena) thông qua ánh mắt. Để thể hiện quá trình này, VG quy định phản ứng thể cần thể hiện rõ ánh nhìn cùng biểu cảm trên khuôn mặt.

Ví dụ 7: Diễn ngôn *Cắt com/ Bơm xe/ Nghe thời tiết/ Liếc đồng hồ/ Thò bao gạo/ Cạo bộ râu/ Xâu quai dép/ Tránh mặt sếp/ Tót lên yên/ Giường như điện/ Về với vợ* [1, tr.58] tái hiện toàn bộ quá trình chuẩn bị trở về nhà thăm vợ vào dịp cuối tuần của người công nhân đi làm tập trung trong các nhà máy, xí nghiệp xa nhà.



Qua véc tơ (1) và (2), có thể thấy Phản ứng thể hướng ánh nhìn vào chiếc loa phát thanh và đồng hồ chỉ giờ; thể hiện sự chú ý với hiện tượng phát ra âm thanh dự báo thời tiết và chỉ báo thời gian. Từ đây, người xem nhận ra tâm thế háo hức của cán bộ công nhân đi làm xa chuẩn bị về thăm vợ. Quá trình phản ứng giữa các Phản ứng thể với nhau được thể hiện qua véc tơ (4) và (5). Hai véc tơ đã khắc họa ánh nhìn hướng về nhau để thể hiện tình yêu, sự giao cảm giữa hai Phản ứng thể. Hơn thế, quá trình phản ứng còn xuất hiện ngay cả khi Hiện tượng bị ẩn đi. Véc tơ (3) thể hiện ánh nhìn từ trên hát xuống, kết hợp cùng biểu cảm thân trọng để quan sát và cạo được phần râu dưới cằm.

Như vậy, khác biệt giữa hai quá trình chủ yếu nằm ở tên gọi và phương thức. Chu cảnh (ở SFG) và Hiện tượng (ở VG) đều có thể xuất hiện trực tiếp hoặc ẩn đi để người đọc, người xem tự suy đoán. Song, nếu quá trình hành vi (ở SFG) được khắc họa qua từ ngữ thì quá trình phản ứng (ở VG) được thể hiện qua ánh nhìn, biểu cảm.

(5) Quá trình phát ngôn (Verbal processes; Speech processes)

a. Trong SFG, thông qua quá trình phát ngôn, các mối quan hệ tượng trưng được thiết lập trong ý thức của con người và được thể hiện dưới hình thức của ngôn ngữ, như là sự phát ngôn và thể hiện ý nghĩa. Quá trình này có hai tham thể chính là: Phát ngôn thể (Sayer) và Dích ngôn thể (Target). Bên cạnh đó, còn có Ngôn thể (Verbiage) và Tiếp ngôn thể (Receiver). Tiếp ngôn thể là tham thể cùng tham gia giao tiếp. Dích ngôn thể là tham thể được nhắm tới, nhận tác động từ phát ngôn khen ngợi hoặc phê bình,... Ví dụ:

Mô hình 1:			Mô hình 2:		
<i>John</i>	<i>said</i>	<i>“I’m hungry.”</i>	<i>Describe</i>	<i>to the court</i>	<i>the scene of the accident.</i>
Phát ngôn thể	Quá trình: phát ngôn	Ngôn thể	Quá trình: phát ngôn	Tiếp ngôn thể	Ngôn thể
<i>John nói: “Tôi đói.”</i>			<i>Miêu tả cho tòa án về khung cảnh của tai nạn.</i>		

Mô hình 3:			
<i>She</i>	<i>always praised</i>	<i>him</i>	<i>to her friends.</i>
Phát ngôn thể	Quá trình: phát ngôn	Đích ngôn thể	Tiếp ngôn thể
<i>Cô ta luôn khen ngợi anh ấy với bạn bè của mình.</i>			

b. Trong khi đó, các tham thể tham gia vào quá trình này ở VG là Phát ngôn thể (Sayer) và Ngôn thể (Utterance). Các phát ngôn được đánh dấu bằng các véc tơ đặc biệt: véc tơ có đuôi kết nối Phát ngôn thể với bong bóng lời nói/ suy nghĩ.

Ví dụ 8: Diễn ngôn *Phở mậu dịch* [7, tr.200]. Diễn ngôn chỉ những điều tuy phổ biến nhưng nhàm chán, nhạt nhẽo thời bao cấp của người Việt.



Hình ảnh bao gồm hai Phát ngôn thể: (1) mẹ và (2) con. Thông qua hình ảnh, người đọc nhận được tín hiệu giao tiếp yêu cầu con ăn của mẹ qua Ngôn thể là câu mệnh lệnh *Ăn!* và phản ứng từ chối của con thông qua Ngôn thể là câu trả lời *Không!*. Cả câu mệnh lệnh của mẹ và câu trả lời của con đều được đưa vào bong nói. Ngôn thể của phát ngôn thể nào thì khung câu trả lời được gắn với véc tơ xuất phát từ đúng Phát ngôn thể đó.

Như vậy, mô hình của quá trình phát ngôn ở SFG và VG có sự khác biệt sau:

- Mô hình của quá trình phát ngôn ở SFG:

Phát ngôn thể + Quá trình + (Ngôn thể)² + (Đích ngôn thể) + (Tiếp ngôn thể)

- Mô hình của quá trình phát ngôn ở VG:

Phát ngôn thể + Quá trình + Ngôn thể

Có thể thấy, quá trình phát ngôn ở VG không có Đích ngôn thể và Tiếp ngôn thể. Hiện tượng này xuất phát từ đặc trưng của hình ảnh. Hình ảnh có khả năng tái hiện cùng lúc nhiều đối tượng trong một khung hình. Các Phát ngôn thể tham gia giao tiếp có thể đồng hiện để phản ánh quá trình giao tiếp đa chiều. Do đó, Đích ngôn thể và Tiếp ngôn thể không cần được nhắc đến như trong các cú ngôn ngữ mà có thể tự hiện lên trong khung hình như một Phát ngôn thể đang tham gia giao tiếp. Mỗi Phát ngôn thể lại được tái hiện cùng Ngôn thể - luôn gắn liền với các véc tơ có đuôi biểu thị bong bóng lời nói/ suy nghĩ.

(6) Quá trình hiện hữu (Existential processes) và Quá trình biểu tượng (Symbolic processes)

a. Theo SFG, thông qua quá trình hiện hữu, các hiện tượng thuộc tất cả các loại thuần túy được công nhận “là” - tồn tại, hay xảy ra. Tham thể tham gia vào quá trình này là Hiện hữu thể (Existent).

Mô hình 1:			Mô hình 2:			
<i>There</i>	<i>was</i>	<i>a storm.</i>	<i>On the wall</i>	<i>there</i>	<i>hangs</i>	<i>a picture.</i>
	Quá trình: hiện hữu	Hiện hữu thể: sự kiện	Chu cảnh		Quá trình: hiện hữu	Hiện hữu thể
<i>Có một cơn bão.</i>			<i>Trên tường treo một bức tranh.</i>			

Mô hình 3:				
There	was	an old man	tossed up	in a basket.
	Quá trình: hiện hữu	Hiện hữu thể: thực thể	Quá trình: vật chất	Chu cảnh
Được mở rộng			Mở rộng	
Có một người đàn ông lớn tuổi			bị tung đi tung lại trong một cái rổ.	

b. Tương ứng với quá trình hiện hữu trong SFG là quá trình biểu tượng trong VG. Quá trình biểu tượng xuất hiện khi tham thể trong hình thể hiện ý nghĩa biểu tượng hoặc bản chất của mình thông qua vật trung gian có khả năng mang chứa, truyền tải thông điệp hàm ẩn. Chỉ có một tham thể tham gia quá trình này: Dương thể (Carrier).

Ví dụ 9: Diễn ngôn *Bà Ba béo/ Bán bánh bèo/ Bên bờ biển/ Bị bom bi/ Bắn bỏ ba bốn bận* [7, tr.32]. Dưới hình thức của bài đồng dao, diễn ngôn là lời nhắc nhở trẻ em cần cảnh giác, tránh xa loại bom tuy nhỏ nhưng nguy hiểm là bom bi.



Đương thể - những lỗ hổng trên người tham thể *bà Ba béo* - là biểu tượng cho vết thương do bom bi gây nên. Hình ảnh thể hiện độ sát thương cao của bom bi đối với con người trong giai đoạn chiến tranh.

Có sự thống nhất khá cao giữa quá trình hiện hữu trong SFG và quá trình biểu tượng trong VG. Cả hai đều bắt buộc có tham thể hiện hữu. Nếu Hiện hữu thể trong SFG báo hiệu cho sự hiện diện của một sự kiện hoặc thực thể thì Dương thể trong VG xuất hiện như cái biểu đạt để hàm ý cho những cái được biểu đạt bên ngoài nó.

(7) *Quá trình cải biến (Conversion processes)*

a. Quá trình cải biến là quá trình chỉ có ở kênh hình, thể hiện quá trình liên tác động: Hành thể 1 tác động lên Đích thể 1, Đích thể 1 tiếp tục trở thành Hành thể 2 để tác động lên Đích thể 2.

Ví dụ 10: Diễn ngôn *Ba số năm vừa năm vừa kí* [1, tr.22] nhắc tới văn hóa sử dụng thuốc lá để ngoại giao, nhò và trong thời bao cấp. Thời đó, thuốc lá Ba số năm là loại quà tặng đẳng cấp, dễ dàng lấy lòng đối tác, cấp trên giúp mọi việc thuận lợi, hanh thông.



Quá trình cải biến được thể hiện như sau: Hành thể 1 là người được biếu thuốc lá Ba số năm, đang nằm trên bàn sử dụng chân để cầm vào Đích thể 1 là cái bút, cái bút tiếp tục trở thành Hành thể 2, dưới sự điều khiển của ngón chân, tác động lên Đích thể 2 là trang giấy và tạo ra chữ kí. Hình ảnh đã tái hiện một cách cụ thể, dí dỏm “đặc quyền” được giúp đỡ, xử lý công việc một cách gọn nhẹ, suôn sẻ khi dùng thuốc lá Ba số năm để đi ngoại giao, tiếp khách của diễn ngôn.

b. Quá trình cải biến chỉ xuất hiện ở VG là bởi các khối hình có thể tự liên kết với nhau do thể mạnh trong việc tái hiện khung cảnh một cách trực tiếp thông qua đường nét của hội họa. Còn ở SFG, với phương tiện thể hiện nhận thức về thế giới là ngôn ngữ, muốn thể hiện quá trình liên tác động giữa các

sự vật chỉ có hai cách: (1) dùng nhiều cú khác nhau, mỗi cú thể hiện một quá trình tác động, Đích thể của cú trước là Hành thể của cú sau hoặc (2) sử dụng các từ nối có ý nghĩa biểu hiện sự chuyển giao, tiếp nối. Ví dụ:

Cách 1: Ông ấy dùng chân quắp chiếc bút. Dưới sự điều khiển của ngón chân, cây bút kí lên tờ giấy.

Cú 1	<i>Ông ấy</i>	<i>dùng chân</i>	<i>quắp</i>	<i>chiếc bút</i>
	Hành thể	Cách thức	Quá trình: vật chất	Đích thể
Cú 2	<i>Dưới sự điều khiển của ngón chân,</i>	<i>cây bút</i>	<i>kí (lên)</i>	<i>tờ giấy</i>
	Cách thức	Hành thể	Quá trình: vật chất	Đích thể

Cách 2: Ông ấy dùng chân quắp chiếc bút và kí lên giấy.

<i>Ông ấy</i>	<i>dùng chân</i>	<i>quắp</i>	<i>chiếc bút</i>
Hành thể	Cách thức	Quá trình: vật chất	Đích thể
<i>(Ông ấy)</i>	<i>(và) kí (lên)</i>	<i>giấy</i>	
Hành thể ẩn	Quá trình: vật chất	Đích thể	

Ở SFG, mỗi cú chỉ có một Hành thể và Đích thể cố định. Do đó, không có sự chuyển đổi vai trò Đích thể thành Hành thể. Các đường nét trong hội họa, hình ảnh, với vị trí giao nhau, đã tự kết nối để tái hiện quá trình liên tác động. Chính vị trí giao thoa này đã làm thay nhiệm vụ của các cú tách rời hay các từ nối.

Dưới đây là bảng tổng hợp sự tương ứng của nghĩa biểu hiện trong kênh chữ và kênh hình.

Sự tương ứng của nghĩa biểu hiện trong kênh chữ và kênh hình

Nghĩa biểu hiện trong kênh chữ	Nghĩa biểu hiện trong kênh hình
Quá trình vật chất (<i>Material processes</i>)	Quá trình hành động (<i>Action processes</i>)
Quá trình tinh thần (<i>Mental processes</i>)	Quá trình tinh thần (<i>Mental processes</i>)
Quá trình quan hệ (<i>Relational processes</i>)	Quá trình phân tích (<i>Analytical processes</i>)
	Quá trình phân loại (<i>Classificational processes</i>)
Quá trình hành vi (<i>Behavioural processes</i>)	Quá trình phản ứng (<i>Reactional processes</i>)
Quá trình phát ngôn (<i>Verbal processes</i>)	Quá trình phát ngôn (<i>Speech processes</i>)
Quá trình hiện hữu (<i>Existential processes</i>)	Quá trình biểu tượng (<i>Symbolic processes</i>)
(Không có)	Quá trình cải biến (<i>Conversion processes</i>)

4. Kết luận

Sự thành công của G. Kress và T. van Leeuwen khi phát triển lí thuyết của M. Halliday vào nghiên cứu hình ảnh cho thấy:

- Lí thuyết chức năng hệ thống của M. Halliday có tính khái quát lớn. Do vậy, nó giống như một khung phân tích mẫu mực, để từ đó, nhà nghiên cứu có thể ứng dụng lí thuyết này, phát triển nó lên để nghiên cứu những nguồn lực tạo nghĩa khác nhau trong văn bản đa phương thức. Rất có khả năng lí thuyết này có thể góp phần giải mã các phương tiện khác nữa như âm thanh, hình ảnh động, âm nhạc,...
- Siêu chức năng kinh nghiệm của kênh chữ được biểu hiện nhờ các tham thể, quá trình và chu cảnh; còn ở kênh hình, nghĩa tường thuật và nghĩa khái niệm được biểu hiện nhờ các véc-tơ, hình khối, nền/hậu cảnh.
- Có sự tương ứng giữa kênh chữ và kênh hình trong việc biểu hiện 7 quá trình của thể giới khách quan, dù chúng được thể hiện bằng những phương tiện khác nhau.

- Có sự không tương ứng ở kênh chữ và kênh hình: Quá trình cải biến chỉ có ở kênh hình, không có ở kênh chữ. Điều này xuất phát từ khả năng tự liên kết của đường nét, hình khối trong hình ảnh. Quá trình cải biến tái hiện quá trình liên tác động giữa các tham thể thông qua sự giao kết giữa đường nét, hình khối - điều mà ngôn ngữ (SFG) phải dùng đến từ ngữ để lần lượt khắc họa từng tác động. Do đó, các cú thể hiện điều tương tự với hình ảnh trong quá trình cải biến lại thuộc về quá trình vật chất.

Bài viết mới chỉ tập trung so sánh nghĩa kinh nghiệm của SFG và VG. Chắc chắn, nghĩa liên nhân và nghĩa văn bản cũng sẽ có nhiều điểm thú vị. Xin được trình bày trong một nghiên cứu khác.

¹ Ngữ pháp chức năng hệ thống đồng nhất nghĩa với chức năng.

² Tham thể được đặt trong dấu ngoặc đơn là tham thể không bắt buộc xuất hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. David Nunan (1998), *Dẫn nhập phân tích diễn ngôn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Trương Trang Nhung (2024), *Diễn ngôn “Thương nhớ thời bao cấp” từ góc nhìn Phân tích diễn ngôn đa phương thức*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Người hướng dẫn: Trần Kim Phụng)
4. Hoàng Phê (chủ biên, 2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
5. Trần Kim Phụng, Hoàng Nguyễn Minh Khuê (2025), “Ngữ pháp hình ảnh của G. Kress & T. van Leeuwen và ứng dụng phân tích kênh hình trong diễn ngôn đa phương thức”, *Tạp chí Ngôn ngữ & đời sống*, số 5.2025.

Tiếng Anh

6. M.A.K Halliday (2004), *An Introduction to Functional Grammar*, Hodder Arnold, Third Edition.
7. G. Kress, T. Leeuwen (2021), *Reading images The Grammar of Visual Design*, Routledge, London.

NGŨ LIỆU

- [1] Thành Phong, Hữu Khoa (2018), *Thương nhớ thời bao cấp*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

The correspondence between visual grammar and systemic functional grammar (Illustrated in the literary work: *Thương nhớ thời bao cấp*)

Abstract: Visual Grammar (VG), initiated by G. Kress and T. van Leeuwen, was developed from M. A. K. Halliday's Systemic Functional Grammar (SFG). Grounded in semiotic theory, SFG outlines three metafunctions of language, which correspond to three types of meaning conveyed through linguistic expression. VG builds its theoretical foundation upon these three types of meaning. While SFG is particularly suitable for decoding the verbal mode of discourse, VG proves to be an effective tool for interpreting the visual mode. Therefore, the integration of both theories offers a comprehensive approach for analyzing multimodal discourse.

However, as the verbal and visual modes possess distinct characteristics, notable similarities and differences exist between VG and SFG.

This paper provides an in-depth analysis of the correspondences and divergences between the two theoretical frameworks, aiming to deepen the understanding of the development and evolution of VG, and to enhance the effectiveness of applying both theories in multimodal discourse analysis.

Key words: visual grammar; systemic functional grammar; multimodal discourse; verbal mode; visual mode.